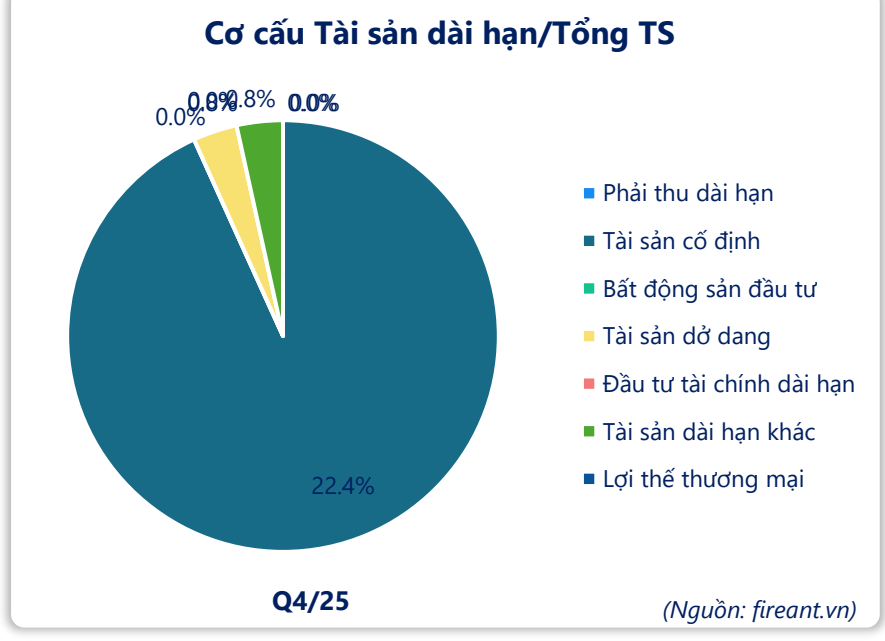
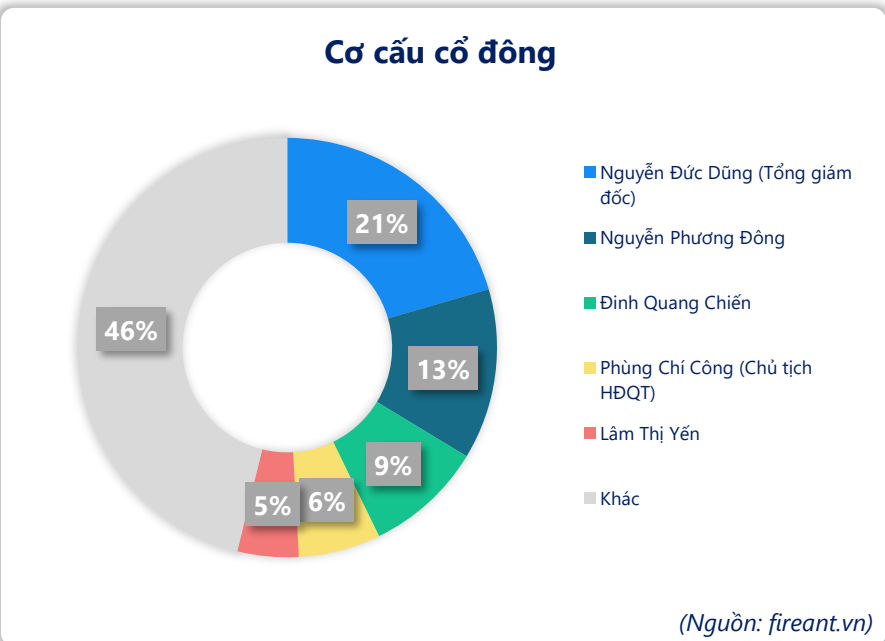
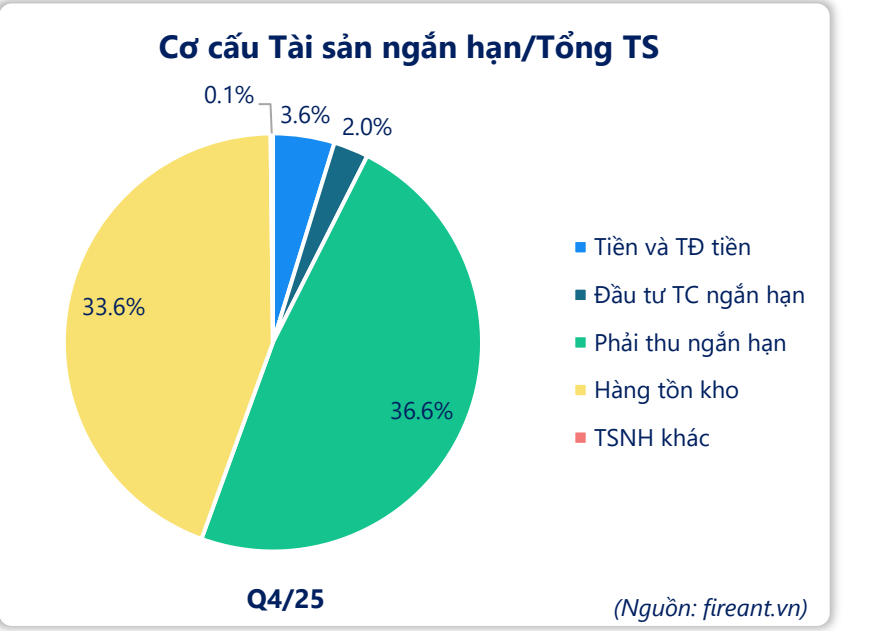
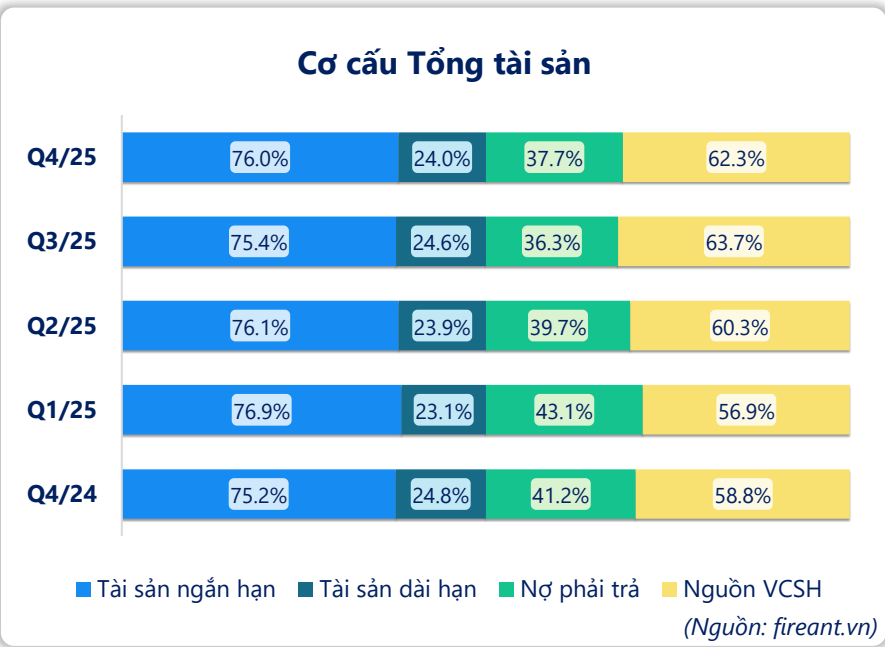
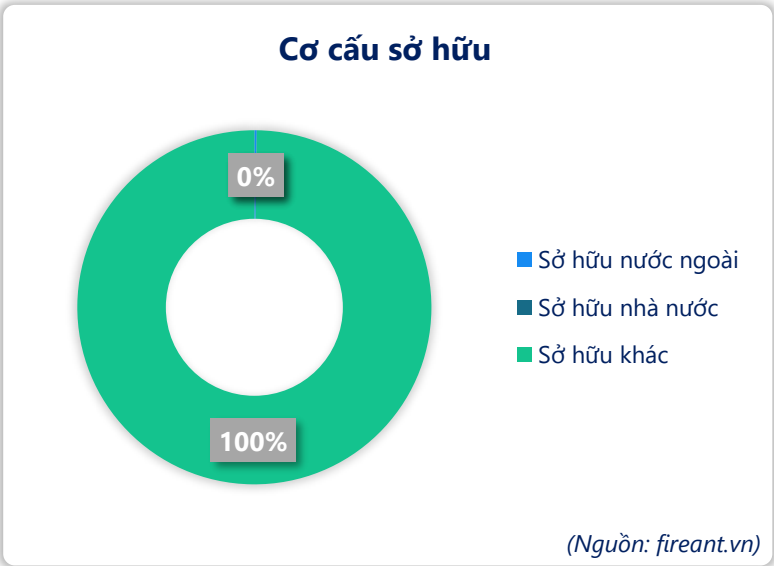
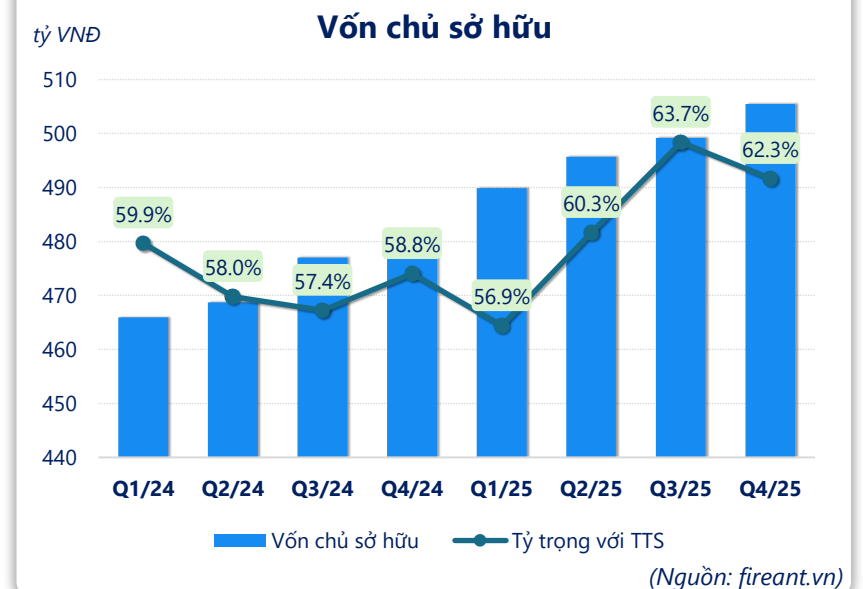
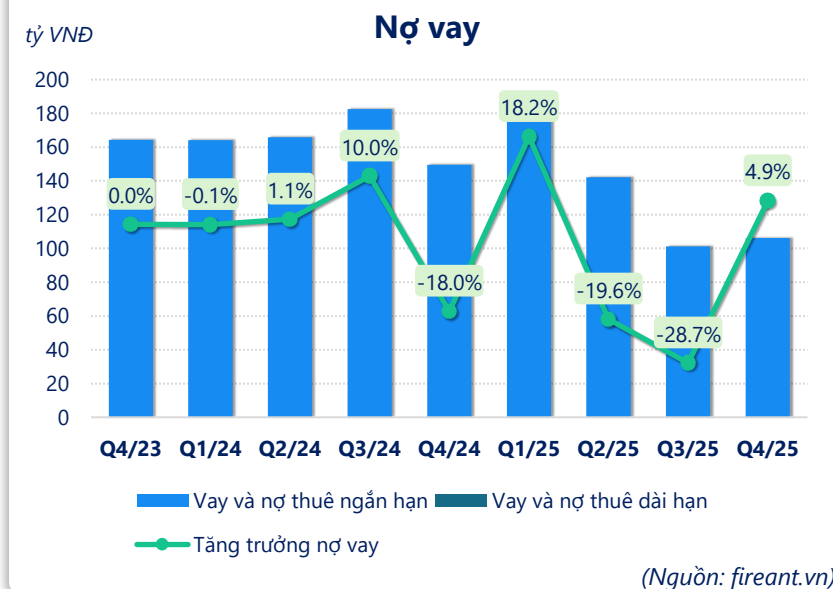
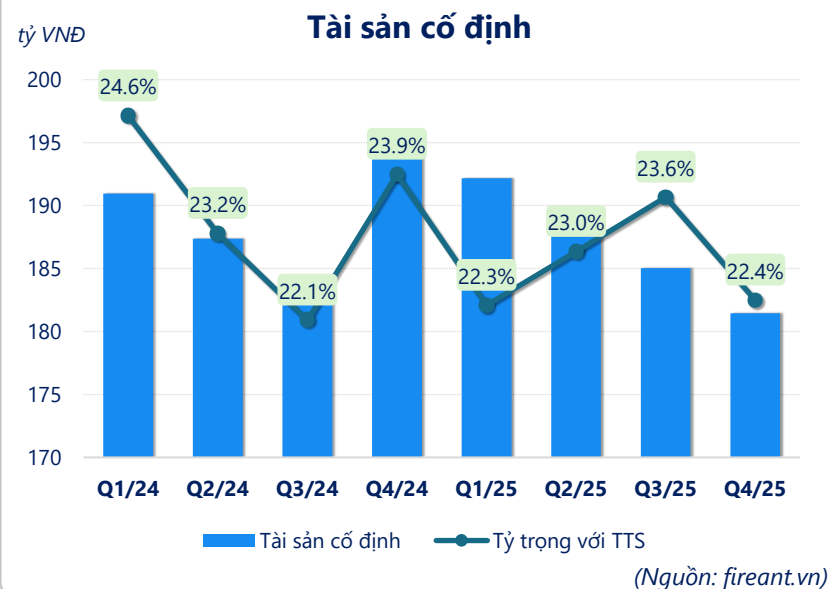
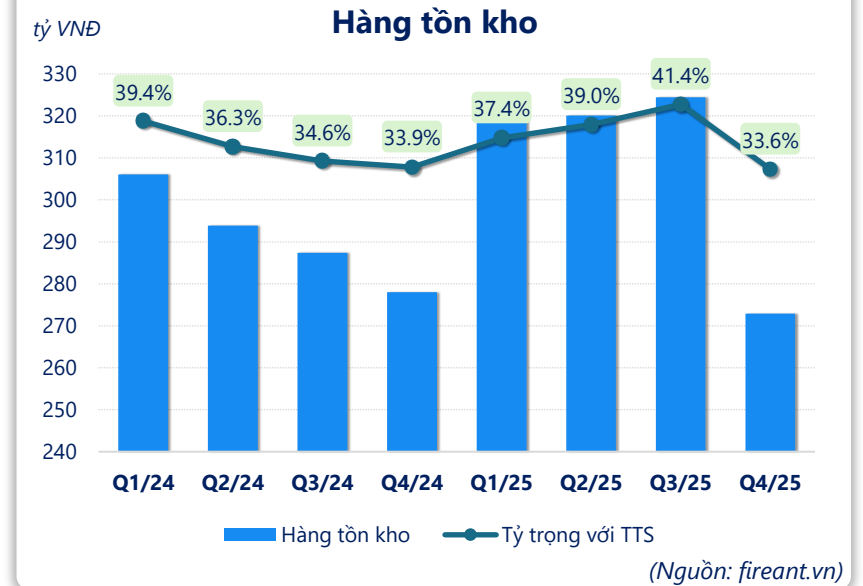
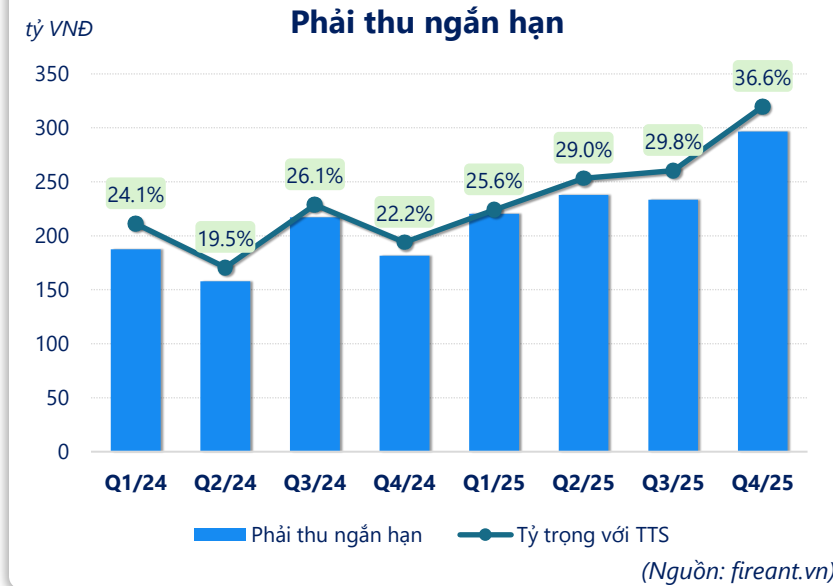
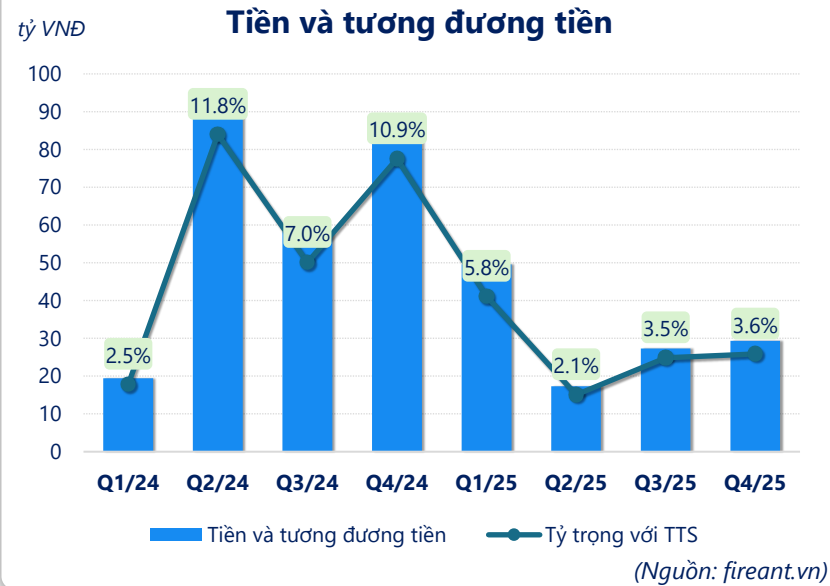
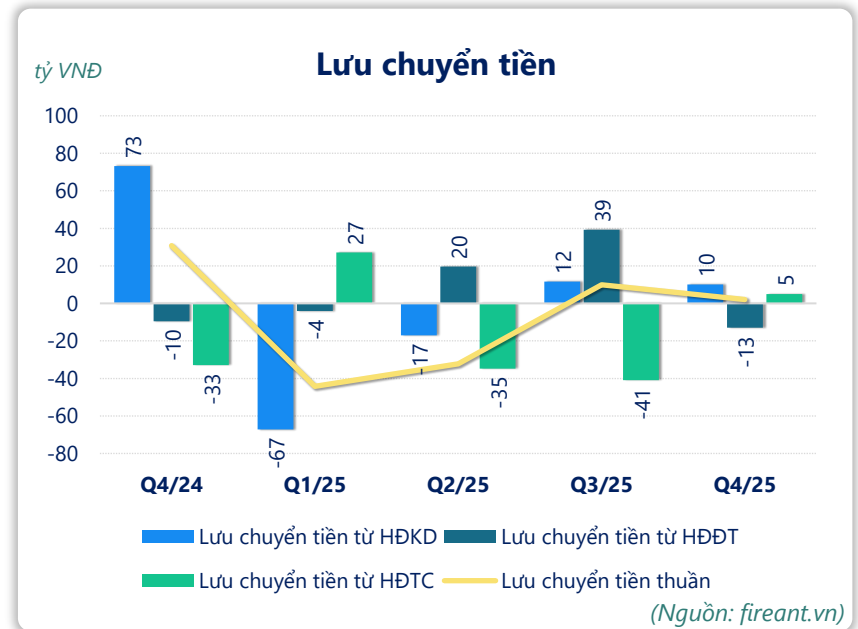
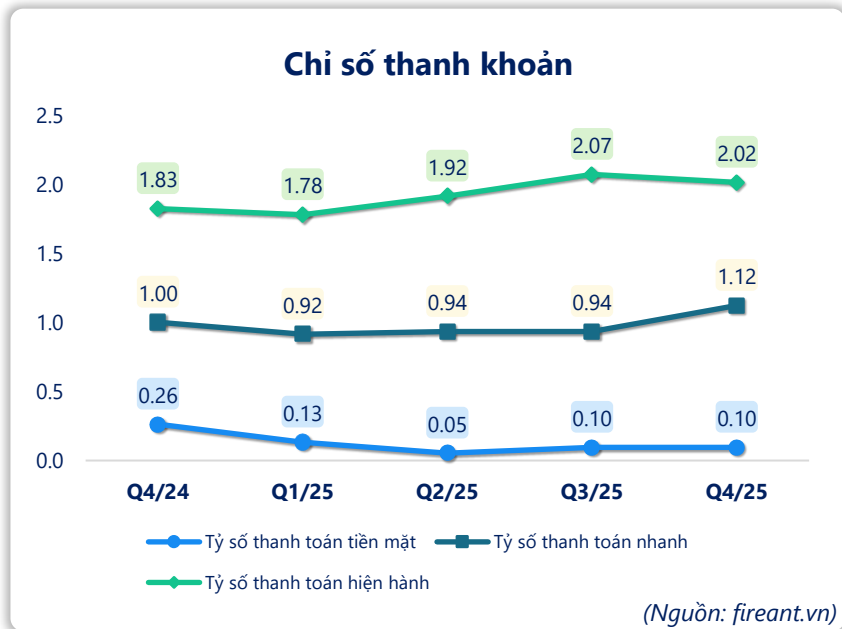
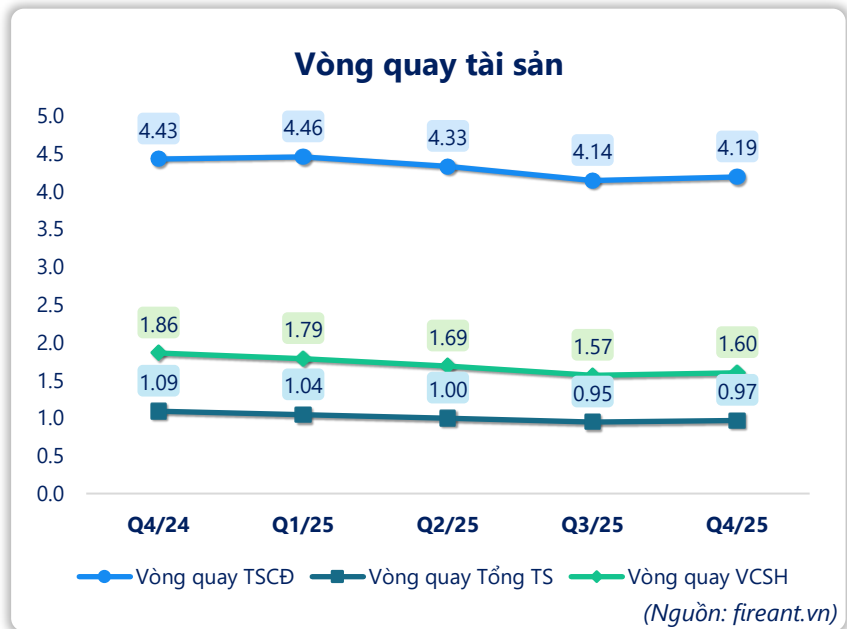
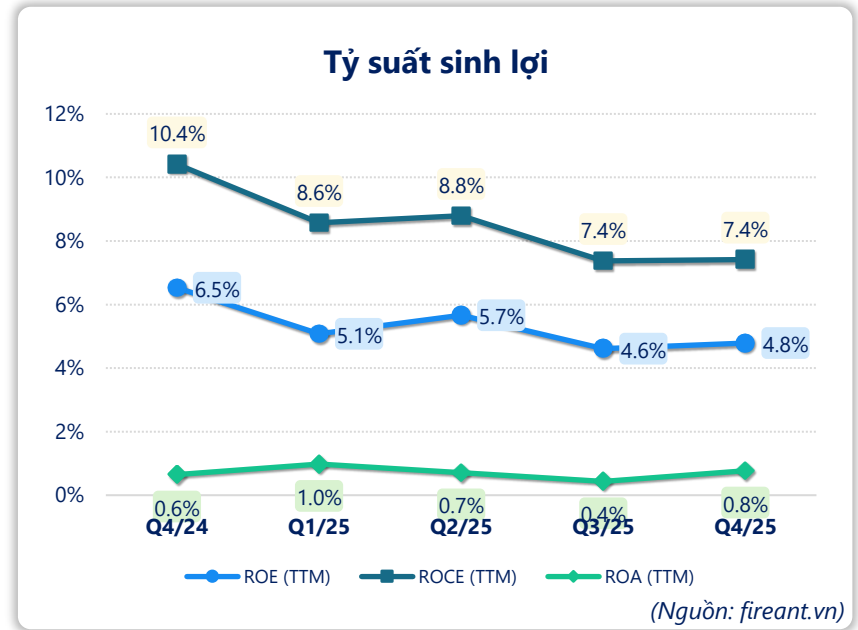
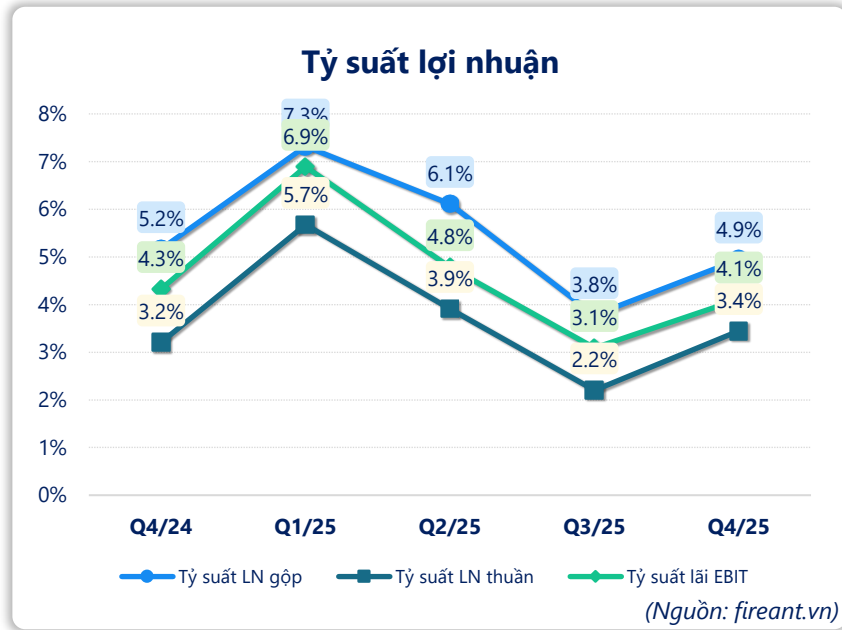
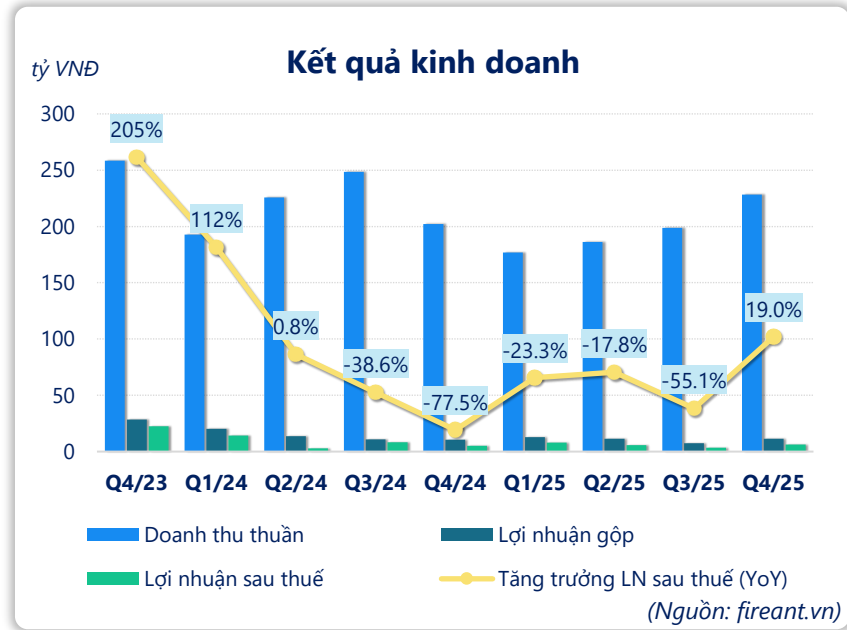


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,580
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,930
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,160
SL cổ phiếu LH		36,958,816
KLGD BQ 20 phiên (CP)		8,190
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		280
P/E		11.8
EPS		640

	YTD	1T	3T	6T
HCD	-15.1%	-2.6%	-8.0%	-1.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	811	812	-0.1%
Tài sản ngắn hạn	616	609	1.2%
Tiền và tương đương tiền	29.3	93.8	-68.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.6	58.3	-71.5%
Phải thu ngắn hạn	296	174	70.2%
Hàng tồn kho	273	278	-1.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.11	4.36	-74.5%
Tài sản dài hạn	195	203	-4.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	181	196	-7.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.43	1.14	465%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	6.73	6.28	7.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	305	330	-7.5%
Nợ ngắn hạn	305	330	-7.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	106	150	-29.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	167	152	9.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	506	482	4.9%
Vốn chủ sở hữu	506	482	4.9%
Vốn điều lệ	370	370	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	202	177	186	199	228
Giá vốn hàng bán	192	164	175	191	217
Lợi nhuận gộp	10.4	13.0	11.4	7.51	11.3
Doanh thu HĐTC	-0.56	0.10	-0.22	0.11	0.07
Chi phí TC	2.27	2.16	1.64	1.76	1.52
Chi phí lãi vay	2.27	2.16	1.64	1.76	1.52
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.11	0.25	0.26	0.18	0.61
Chi phí QLDN	1.02	0.61	1.98	1.31	1.36
LN thuần từ HĐKD	6.48	10.0	7.28	4.37	7.87
Lợi nhuận khác	0	0	-0.01	0.00	0
LN trước thuế	6.48	10.0	7.28	4.38	7.87
Lợi nhuận sau thuế	5.16	8.03	5.82	3.50	6.29
LNST của CĐ cty mẹ	5.16	8.03	5.82	3.50	6.29

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	73.1	-67.2	-17.1	11.6	10.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-9.50	-4.10	19.6	39.2	-13.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-32.9	27.1	-34.7	-40.8	4.94
Tiền đầu kỳ	58.2	93.8	49.6	17.3	27.3
Lưu chuyển tiền thuần	30.8	-44.2	-32.2	9.93	2.06
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	89.0	49.6	17.3	27.3	29.3

(Nguồn: fireant.vn)